

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2020
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị L
với anh L1

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số 01, tổ 01, ấp Long Mỹ 2, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1977, địa chỉ cư trú: Tổ 06, ấp Mỹ Thuận, xã MP, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L1 do quen biết, tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nhân vào năm 2009 nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã MP, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L1.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị với anh L1 có 01 (một) người con chung tên Phạm Thị Cẩm Ly, sinh ngày 21/02/2011, hiện đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh L1.

Về quan hệ con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Thị Cẩm Ly, sinh ngày 21/02/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh của Cẩm Ly; Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Phạm Văn L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227,

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh L1 đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 150, ngày 01 tháng 9 năm 2016. Do đó, hôn nhân giữa chị L với anh L1 là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp anh chị đã ly thân hơn 03 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L1 vắng mặt không lý do. Theo biên bản xác minh ngày 07/11/2019 chính quyền địa phương cung cấp thông tin là chị L và anh L1 có mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân. Cho thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh L1 là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống chị với anh L1 có 01 (một) người con chung tên Phạm Thị Cẩm Ly, sinh ngày 21/02/2011, hiện đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét từ khi ly thân đến nay chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh L1 không cùng chị L chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tại bản trình bày nguyện vọng cháu Ly có nguyện vọng được sống chung với chị L, chị L cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ly. Để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt của cháu, ổn định tinh thần, sinh sống, học tập của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Ly cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Phạm Văn L1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 150, ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã MP, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

- Chị L và anh L1 có 01 (một) người con chung tên Phạm Thị Cẩm Ly, sinh ngày 21/02/2011.

- Giao cháu Phạm Thị Cẩm Ly, sinh ngày 21/02/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0005426 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã MP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ch�ào Nguyễn Ngọc Đầy

Lê Thị Hồng Thi

